

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 5 - 2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Lắm.

Ông Nguyễn Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Lữ Văn S, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 02 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày: Chị và anh Lữ Văn S kết hôn do mai mối, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 08 tháng 9 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đến tháng 02 năm 2018 thì ly thân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh S có hành vi bạo lực đối với chị và gia đình chị dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thời gian ly thân gia đình anh S có gặp gỡ gia đình chị để hàn gắn cho chị và anh S nhưng không thành. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh S. Về con chung không có. Về tài sản chung gồm có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K 9999, 01 kiềng cổ 03 chỉ vàng 24K 9999, 01 sợi dây 05 chỉ vàng 24K 9999, 07 chiếc vòng đeo tay 05 chỉ vàng 18K, lắc tay 01 chiếc 03 chỉ và 01 chiếc 02 chỉ vàng 24K 9999. Tất cả các tài sản nêu trên hiện nay chị đang quản lý.

Ngoài ra chị và anh S mỗi người còn giữ 01 chiếc nhẫn cưới 01 chỉ vàng 24K 9999. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lữ Văn S trình bày: Về quá trình kết hôn và sống chung như chị C trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do gia đình bên vợ can thiệp vào cuộc sống của vợ chồng, chị C nghe lời gia đình, anh không có hành vi bạo lực với chị C và gia đình bên vợ như chị C trình bày. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Thời gian ly thân anh và gia đình có gặp gỡ gia đình bên vợ để hàn gắn tình cảm giữa anh và chị C nhưng không đạt kết quả. Nay anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Vợ chồng anh không có con chung. Tài sản chung như chị C trình bày là đúng, nếu ly hôn anh không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung mà để hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định:

Về quá trình kết hôn giữa chị C và anh S thì anh chị kết hôn do mai mối nhưng cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 08 tháng 9 năm 2017, việc kết hôn của anh chị tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về cuộc sống hôn nhân sau khi kết hôn giữa chị C và anh S thấy rằng sau khi kết hôn anh chị chỉ sống chung với nhau một thời gian ngắn đã sống ly thân, theo như chị C trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cãi nhau, anh S có hành vi bạo lực với chị và gia đình chị, anh S cho rằng anh không có hành vi bạo lực với chị C và gia đình, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do gia đình bên vợ can thiệp vào cuộc sống của anh chị và chị C nghe lời gia đình.

[2] Về yêu cầu của các đương sự trong việc giải quyết quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị C cương quyết xin ly hôn với anh S còn anh S xin đoàn tụ, giải pháp mà anh đưa ra là vợ chồng xây nhà sống riêng nhưng chị C không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị C và anh S chỉ tồn tại trong thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân, thời gian ly thân anh chị không tìm ra giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn mặc dù gia đình anh S có gặp gỡ gia đình chị C để tác động, từ khi thụ lý vụ án đến nay anh S cũng không đưa ra được giải pháp nào có tính thuyết phục được chị C đồng ý. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị C yêu cầu xin ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị C và anh S đều thống nhất anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh S không yêu cầu giải quyết việc chia tài sản chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này anh chị có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện ở vụ án khác theo quy định của pháp luật. Về nợ chung chị C và anh S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc C phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc C.

Chị Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với anh Lữ Văn S.

[2] Về nuôi con chung: Chị C và anh S trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản chung chị C và anh S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung chị C và anh S trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc C phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 08/9/2017) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện

